

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI GIA PHONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI GIA PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA PHONG TRADING CONSTRUCTION DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GIA PHONG TCD CO ., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108153241

**3. Ngày thành lập:** 31/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Cụm 3, Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963099880

Fax:

Email: giaphong569@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6820     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: : Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659     |
| 3.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4791     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến ; Bán buôn xi măng ; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ; Bán buôn kính xây dựng ; Bán buôn sơn, véc ni ; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh ; Bán buôn đồ ngũ kim ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong                                                                                                                 | 4663     |
| 5.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8121     |
| 6.  | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8129     |
| 7.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8130     |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4390     |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4220     |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4653     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6312        |
| 12. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 13. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4100(Chính) |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7410        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4322        |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320        |
| 17. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310        |
| 18. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1622        |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm ;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất | 4290        |
| 20. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: : Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                        | 4649        |
| 23. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651        |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4759        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: - Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh</li> <li>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước;</li> <li>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;</li> <li>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy.</li> <li>- Thiết kế quy hoạch</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ</li> </ul> | 7110 |
| 28. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3100 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329 |
| 30. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HOÀNG VĂN ĐẠI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/03/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 163160658

Ngày cấp: 15/08/2010

Nơi cấp: công an Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, Xã Nghĩa Minh, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 14, Khu X5, phố Dương Khuê, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN ĐẠI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/03/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 163160658

Ngày cấp: 15/08/2010

Nơi cấp: công an Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 5, Xã Nghĩa Minh, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 14, Khu X5, phố Dương Khuê, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội